

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC TRỒNG TRỌT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **448** /QĐ-TT-QLCL

Hà Nội, ngày **13** tháng **11** năm 2009

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chỉ định Phòng Kiểm nghiệm Phân bón

CỤC TRƯỞNG CỤC TRỒNG TRỌT

| | |
|----------------------------------|---------------------|
| TT.DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THỰC NGHIỆM | |
| Số: | 138 |
| ĐẾN Ngày: | 16/11/2009 |
| Chuyên: | HCQT - Tế bào - BCL |

Căn cứ Quyết định số 16/2008/QĐ-BNN ngày 28 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trồng trọt;

Căn cứ Quy định về chỉ định và quản lý hoạt động người lấy mẫu, người kiểm định, phòng kiểm nghiệm, tổ chức chứng nhận chất lượng giống, sản phẩm cây trồng và phân bón ban hành kèm theo Quyết định số 106/2008/QĐ-BNN ngày 29 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Biên bản kết luận của Hội đồng đánh giá Phòng Kiểm nghiệm chất lượng phân bón được thành lập theo Quyết định số 435/QĐ-TT-QLCL ngày 05/11/2009 của Cục trưởng Cục Trồng trọt;

Xét đề nghị của Phụ trách phòng Quản lý chất lượng và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Phòng Kiểm nghiệm của Trung tâm dịch vụ phân tích thí nghiệm thuộc Sở Khoa học và công nghệ thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ: 02 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại: 0838295087, 0838296113; fax: 0838293087; Email: case@hcm.vnn.vn, casel@vnn.vn) là **Phòng Kiểm nghiệm phân bón**.

Mã số của phòng là: **PKN-PB 09-01**.

Điều 2. Phòng Kiểm nghiệm của Trung tâm dịch vụ phân tích thí nghiệm thành phố Hồ Chí Minh được tham gia phân tích các chỉ tiêu đăng ký nêu tại Phụ lục kèm theo và có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định trong hoạt động kiểm nghiệm phân bón; chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực 03 (ba) năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Phụ trách phòng Quản lý chất lượng và Môi trường, Giám đốc Trung tâm dịch vụ phân tích thí nghiệm thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Vụ Pháp chế;
- TTKKNG, SP cây trồng và PB QG;
- Sở NN& PTNT tp HCM;
- Sở KH & CN tp HCM;
- Lưu VT, QLCL, TTr, ĐPB.



Nguyễn Trí Ngọc

Phụ lục
Danh mục Phép thử, Phương pháp thử được chỉ định của Phòng Kiểm
nghiệm phân bón thuộc Trung tâm dịch vụ phân tích thí nghiệm
thành phố Hồ Chí Minh.

(Ban hành kèm theo Quyết định số **448** /QĐ-TT-QLCL ngày **13** tháng **11**
 năm 2009 của Cục trưởng Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp và PTNT)

| Số TT | Tên phép thử | Phương pháp thử | Ghi chú |
|-------|--|--|---------|
| 01 | Xác định hàm lượng Ca, Mg, Fe, Cu, Mn, Zn | AOAC 965.09 (2002) / Trên máy ICP | |
| 02 | Xác định hàm lượng photpho tổng số | AOAC 957.02/ Trên máy ICP | |
| 03 | Xác định hàm lượng photpho hữu hiệu | TCVN 5815-2001/ Trên máy ICP | |
| 04 | Xác định hàm lượng kali hòa tan | TCVN 5815-2001 | |
| 05 | Xác định hàm lượng nitơ tổng số | TCVN 5815-2001 | |
| 06 | Xác định hàm lượng nitơ hữu hiệu | 10TCN 361-99 | |
| 07 | Xác định độ ẩm | TCVN 5815-2001 | |
| 08 | Xác định hàm lượng acid humic và acid fulvic | 10 TCN 365 : 2004 | |
| 09 | Xác định hàm lượng acid tự do | 10TCN 303-97 | |
| 10 | Xác định hàm lượng các bon hữu cơ tổng số và các bon hữu cơ hoà tan (phân bón dạng lỏng) | TCVN 6634 - 2000 | |
| 11 | Xác định hàm lượng các bon hữu cơ tổng số và các bon hữu cơ hoà tan (phân bón dạng rắn) | TCVN 6642 - 2000 | |
| 12 | Xác định hàm lượng: P, K, Na, Ca, Mg, B, S, Mo, Fe, Cu, Mn, Zn, Cu, Co, Cr, Ni, As, Sb, Pb, Cd | AOAC 957.02 (2002) AOAC 965.09 (2002)/ Trên máy ICP | |
| 13 | Xác định hàm lượng Si | Sổ tay hướng dẫn phân tích các loại khoáng Silicat – Trang 51-54 / Mỹ - 1987 Trên máy ICP | |
| 14 | Xác định hàm lượng Bo tan trong acid | AOAC 982-01 (2002) | |



| | | | |
|----|---|--|--|
| 15 | Xác định hàm lượng Bo tan trong nước nóng | AOAC 982-01 (2002) | |
| 16 | Xác định hàm lượng Se | AOAC 969.06 (2002) | |
| 17 | Xác định hàm lượng Hg | AOAC 971.21 (2002) Varian AA-72 / Trên máy AAS | |
| 18 | Xác định hàm lượng Alpha NAA (Alpha Naphthalene Acetic acid) và Beta NOA (Beta Naphthoxy Acetic acid) | Sắc ký lỏng hiệu năng cao - Trang 47-49 - Nhật - 1997 / trên máy HPLC | |
| 19 | Xác định hàm lượng GA ₃ (Giberellic acid) | Sắc ký lỏng hiệu năng cao, Trang 261 - Nhật - 1997/ Trên máy HPLC | |
| 20 | Xác định hàm lượng Nitrophenol | Ứng dụng Sắc ký khí Trang 339 & 501 - Mỹ - 1998 / Trên máy GC | |
| 21 | Xác định hàm lượng acid amin | Phân tích Amino acid bằng thủy phân Protein - Mỹ - 2005 / Trên máy GC | |
| 22 | Xác định hàm lượng Thiourea | Sắc ký lỏng hiệu năng cao - Đức / Trên máy HPLC | |
| 23 | Xác định hàm lượng Vitamin B | Phân tích Vitamin bằng Sắc ký lỏng hiệu năng cao - kit No 950C Trang 2 - Mỹ - 2003 / Trên máy HPLC | |
| 24 | Xác định hàm lượng Vitamin C | Phân tích Vitamin bằng Sắc ký lỏng hiệu năng cao - kit No 950C Trang 2 - Mỹ - 2003 / Trên máy HPLC | |
| 25 | Xác định hàm lượng Vitamin K | AOAC 2001.13 (2002) AOAC 981.17 (2002) Vitamin tan trong dầu , trang 17 / Trên máy HPLC | |
| 26 | Xác định hàm lượng acid lactic | Máy Sắc ký lỏng hiệu năng cao Trang 584 - & 7245 - Nhật - 1991 / Trên máy HPLC | |
| 27 | Xác định hàm lượng Ethephon | AOAC 982.06 (2002) / Trên máy GC | |
| 28 | Xác định hàm lượng Vitamin E | AOAC 2001.13 (2002) AOAC 981.17 (2002) Vitamin tan trong dầu . | |

| | | trang 17 / Trên máy HPLC | |
|----|--|-------------------------------------|--|
| 29 | Xác định Coliform | TCVN 6848 - 2007 | |
| 30 | Xác định E.Coli | Ref. NF V08-017 | |
| 31 | Xác định Salmonella | TCVN 4829 : 2005 ISO 6579 : 2002 | |
| 32 | Xác định vi sinh vật cố định Nitơ | TCVN 6166 - 2002 | |
| 33 | Xác định vi sinh vật phân giải hợp chất photpho khó tan | TCVN 6167 - 1996 | |
| 33 | Xác định vi sinh vật phân giải Xenlulo | TCVN 6168 - 2002 | |
| 33 | Xác định Ecoli giả định - Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất | TCVN 6846 - 2007 | |
| 34 | Phân Hữu cơ Vi sinh vật | TCVN 7158 - 2002 | |

